

TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 27/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Trung Phước

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Văn Chải, ông Tao Văn Si

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Khắc Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn K - Kiểm sát viên

Ngày 27/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 12/2020/TLST-HS ngày 24/7/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 14/8/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **VÀNG VĂN T** - Sinh năm 1994;

Nơi ĐKKHKT: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Ruộng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Vàng Văn M, sinh năm 1973 và bà Lưu Thị K, sinh năm 1974; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị C, sinh năm 1991 và hai người con, con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu tuyên phạt 07 năm tù về tội “Giết người”. Đến ngày 31/8/2015 bị cáo được đặc xá theo Quyết định số 1900 ngày 26/8/2015 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đến ngày 02/01/2013 thi hành xong tiền án phí HSST, ngày 11/11/2015 đã thi hành xong tiền bồi thường cho bị hại. Đến ngày phạm tội, bị cáo đã được xóa án tích theo quy định. Bị cáo Vàng Văn T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2020 được giao cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **MÈ VĂN V** – Sinh năm 2000; Nơi sinh: Huyện T, tỉnh Lai Châu;

Nơi ĐKKHKT: Bản M, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Không

biết chữ; Con ông Mè Văn E, sinh năm 1976 và bà Luồng Thị H, sinh năm 1978; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Mè Văn V được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2020 được giao cho UBND xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi đến nay (có mặt).

Bị hại: Ông Bùi Mạnh T, sinh năm 1976.

Trú tại: Tổ 1, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lò Văn T, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt)

2. Vàng Văn N, sinh năm 1992.

Trú tại: Bản T, xã Thèn Sin, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Vàng Văn S, sinh năm 1990

Trú tại: Bản L2, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07 tháng 3 năm 2020 anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1976 trú tại Tổ 1, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu là người phụ trách nhân công trong dự án làm đường liên xã T, huyện T đi xã S, thành phố L đã thuê Mè Văn Vi và Vàng Văn T làm công. Do làm việc trên công trình nên Vàng Văn T biết ở đó có một đầu máy nổ động cơ Diesel nhãn hiệu R180 gắn trên máy trộn bê tông là tài sản hợp pháp của Bùi Mạnh T và không có người trông coi. Nên khoảng 20 giờ ngày 22 tháng 4 năm 2020 Thăm bàn với Mè Văn V cùng thực hiện hành vi trộm cắp đầu máy nổ bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, Việt đồng ý.

Khoảng 21 giờ ngày 22 tháng 4 năm 2020, Thăm có mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, BKS 25B1 - 446.03 của anh Vàng Văn S, sinh năm 1990, trú tại bản L2, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu nói là đi về nhà. Mượn được xe T điều khiển xe mô tô chở V đến nhà mình lấy một áo khoác dạ màu trắng - xám rồi cả hai đi đến nhà Vàng Văn N, sinh năm 1992 trú tại bản T, xã T, huyện T (anh trai của T) hỏi mượn cò lê để đi sửa xe, mượn được hai cò lê ghi số 13 - 17 và 14 - 17, T đưa cho V cầm. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày 22 tháng 4 năm 2020 T điều khiển xe đến công trình đang thi công thuộc bản L2, xã T, huyện T. Tại đây, quan sát xung quanh thấy không có người trông coi tài sản V đi đến chỗ đầu máy nổ dùng cò lê ghi số 13 - 17 để tháo con ốc tại chân của máy nổ nhưng không tháo được nên V đưa cho T 01 cò lê hai đầu có ghi số 14 - 17 để T tháo ốc. T vặn nhả 02 con ốc, để V dùng tay tháo rồi V lấy ốc cất vào túi quần bên phải đang mặc, T dùng cò lê tháo tiếp 02 ốc còn lại để ở giá đỡ chân đầu máy nổ. Tháo xong cả hai khiêng đầu máy nổ đặt lên yên xe mô tô. T dùng áo dạ màu trắng - xám mang theo che

đầu máy nổ tránh bị phát hiện. T điều khiển xe còn V ngồi sau giữ để chở đến nhà Lò Văn T, sinh năm 1986 trú tại bản T, xã T, huyện T để bán. Đến nơi T và V khiêng đầu máy nổ để xuống sân thấy vậy T đi ra ngoài để kiểm tra đầu máy và giao dịch mua bán nhưng T không biết đó là tài sản do T và V phạm tội mà có nên mua với giá 1.500.000 đồng. Thập lấy 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa Vi cầm rồi cả hai quay về, trên đường V đưa lại cho T cất giữ. Trên đường đi T gặp một người không biết tên, tuổi, địa chỉ lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đổi lấy hai tờ mệnh 200.000 đồng và một tờ 100.000 đồng, T chia cho Việt 600.000 đồng, còn lại 900.000 đồng là của T. Có tiền T và V biết nhà bà Thào Thị B, sinh năm 1977, trú tại bản L 2, xã T, huyện T đang tổ chức đám ma thường hay đánh bạc nên T và V vào xem có nhìn thấy nhiều người lạ (cả hai không quen biết) đang đánh bạc (bằng hình thức sóc đĩa) cả hai cùng tham gia chơi và thua hết số tiền trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 06/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T đã kết luận *“01 đầu máy nổ động cơ Diesel nhãn hiệu R180 màu đỏ đen, đã qua sử dụng có giá trị là 3.200.000 đồng”*

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 đầu máy nổ động cơ Diesel nhãn hiệu R180 màu đỏ đen, trên cơ sở kết quả điều tra, ngày 10 tháng 6 năm 2020, cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho anh Bùi Mạnh T là chủ sở hữu 01 đầu máy nêu trên. Ngoài ra còn thu giữ 01 áo khoác dạ màu trắng - xám; 02 cờ lê làm bằng kim loại.

Cáo trạng số 12/CT-VKSTĐ ngày 22/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Vàng Văn T, Mè Văn V phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Vàng Văn T, Mè Văn V đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Vàng Văn T, Mè Văn V phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58/Bộ luật hình sự, đối với cả hai bị cáo; Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51/Bộ luật H sự đối với Mè Văn V, đề nghị tuyên phạt bị cáo Vàng Văn T mức án từ 12 đến 18 tháng tù, tuyên phạt Mè Văn V mức án từ 09 đến 12 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho cả hai bị cáo.

Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác, là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; Trả lại cho anh Vàng Văn N 02 cờ lê bằng kim loại đã qua sử dụng.

Trong đơn xin vắng mặt, bị hại Bùi Mạnh T trình bày: Chiếc máy nổ các bị cáo chiếm đoạt của anh đã được Cơ quan điều tra trao trả nên không có đề nghị gì thêm. Về hình phạt đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Lò Văn T trình bày: Khi mua chiếc máy nổ của hai bị cáo, anh không biết chiếc máy nổ này là tài sản do hai bị cáo phạm tội mà có, chiếc máy nổ khi biết đó là tài sản do trộm cắp mà có anh đã chủ giao nộp cho cơ quan điều tra. Về số tiền 1.500.000 đồng đã trả cho hai bị cáo khi mua máy nổ anh đề nghị HĐXX buộc hai bị cáo trả lại số tiền nói trên cho anh.

Trong các lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt anh Vàng Văn Ng trình bày: Khi Vàng Văn T mượn hai chiếc cò lê của anh, T nói là mượn để sửa xe, anh không biết T mượn hai chiếc cò lê nói trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nay đề nghị HĐXX trả lại hai chiếc cò lê nói trên cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42/Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại khu vực công trường đang thi công đường liên xã thuộc bản L2, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, các bị cáo Vàng Văn T, Mè Văn V đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp 01 đầu máy nổ động cơ Diesel nhãn hiệu R180 màu đỏ đen đã qua sử dụng có giá trị 3.200.000 đồng của anh Bùi Mạnh T đem bán lấy tiền. Hành vi các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173/Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản của công dân là khách

thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo Vàng Văn T, Mè Văn V đều được sinh ra trong những gia đình lao động, mặc dù có tuổi đời còn trẻ, song cả hai bị cáo đều không chịu khó tu dưỡng rèn luyện mà lại ăn chơi, đua đòi. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần phải lao động, các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Vàng Văn T đã từng bị kết án về tội Giết người, mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện cũng như căn cứ vào nhân thân của từng bị cáo, phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo, trở thành công dân có ích.

Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Mè Văn V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, từ nhỏ không được học hành, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo đều là những người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa phương có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn. Vàng Văn T khi sự việc được phát hiện đã tự mình báo cho bị hại biết nơi mình bán tài, đây được coi như việc bị cáo đầu thú, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo, áp dụng thêm điểm i, khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng) đối với Mè Văn V để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo Vàng Văn T, Mè Văn V đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tính chất nguy hiểm cho xã hội trong hành vi các bị cáo đã thực hiện là tương đương nhau, tuy nhiên bị cáo Vàng Văn T là người chủ động rủ rê, lại có nhân thân xấu nên hình phạt mà bị cáo phải chịu là nghiêm khắc hơn bị hình phạt áp dụng đối với Mè Văn V.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 01 đầu máy nổ động cơ Diesel nhãn hiệu R180 đã qua sử dụng đã được trao trả cho bị hại, nay bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét. Đối với số tiền 1.500.000 đồng anh Lò Văn T đã trả cho Vàng Văn T, Mè Văn V, khi mua máy nổ anh T không biết đây là tài sản trộm cắp mà có nên cần buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền này cho anh T là phù hợp.

[6]. Về vật chứng: Đối với 01 áo khoác đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; 02 cờ lê bằng kim loại thu giữ của bị cáo Vàng Văn T là tài sản hợp pháp của anh Vàng Văn N, khi cho Vàng Văn T mượn hai chiếc cờ lê này anh Nghiên không biết T sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, vì vậy hai chiếc cờ lê này cần được trả cho anh Vàng Văn N.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8]. Một số vấn đề liên quan:

Anh Lò Văn T là người đã mua đầu máy nổ động cơ Diesel nhãn hiệu R180 màu đỏ đen của Vàng Văn T và Mè Văn V. Quá trình giao dịch mua bán T và V khẳng định đây không phải là tài sản trộm cắp mà có, T không biết đây là tài sản trộm cắp nên hành vi của Lò Văn T không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Anh Vàng Văn S là người đã cho Vàng Văn T mượn xe mô tô BKS 25B1- 446.03; Vàng Văn N là người cho Vàng Văn T mượn hai chiếc cờ lê. Nhưng S và N không biết T sử dụng làm công cụ và phương tiện phạm tội nên không đồng phạm về tội trộm cắp tài sản.

Theo lời khai của Vàng Văn T và Mè Văn V có hành vi tham gia đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa tại nhà bà Thào Thị B, sinh năm 1977 trú tại bản L 2, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Quá trình điều tra, xác minh hiện bà B không có mặt tại nơi cư trú còn việc T và V cả hai có tổng số tiền là 1.500.000 đồng tham gia đánh bạc với nhiều người cả hai đều không biết tên tuổi và địa chỉ của những người này. Vì vậy Công an huyện T đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo Mè Văn V thuộc diện hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí; Vàng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 58/Bộ luật hình sự; Áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51/Bộ luật Hình sự đối với Mè Văn V; Điều 106, Khoản 2 Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 127, Điều 280, Điều 288, Điều 584, Điều 589/Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vàng Văn T, Mè Văn V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt Vàng Văn T 18 (mười tám) tháng tù, xử phạt bị cáo Mè Văn V 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo vào cơ sở giam giữ để chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Vàng Văn T, Mè Văn V phải liên đới bồi thường cho anh Lò Văn T số tiền 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó bị cáo Vàng Văn T bồi thường 900.000^d (chín trăm nghìn đồng), Mè Văn V bồi thường 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo lãi suất chậm trả của Ngân hàng Nhà nước, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357/Bộ luật dân sự.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7 và Điều 9, Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

4. Về vật chứng: Tịch thu 01 áo khoác dạ trắng, xám đã qua sử dụng để tiêu hủy. Trả lại cho anh Vàng Văn N 02 cờ lê bằng kim loại (01 chiếc kích cỡ 13 – 17, 01 chiếc kích cỡ 14 - 17) tất cả đều đã qua sử dụng.

Các vật chứng nêu trên đang được bảo quản, lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/7/2020 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Mè Văn V, bị cáo Vàng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Lai Châu.
- VKSND tỉnh Lai Châu.
- Sở tư pháp Lai Châu
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS.
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Trung Phước